

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **16/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 12/4/2022

V/v tranh chấp “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Xuân

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cần Văn Nam

2. Ông Trần Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bắc - thư ký Tòa án TP. B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Chung - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 12/4/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2021/TLST - HNGĐ ngày 06/9/2021 về việc tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXX - ST ngày 04/3/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đoàn Thụy Quỳnh Tr, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Nhà số D, đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Di T, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Nhà số D, đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của bà Đoàn Thụy Quỳnh Tr thì bà Tr và ông Lê Di T kết hôn và sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 10/03/2008 tại UBND phường L, thị xã B, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn về chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, ông T sống gia trưởng độc đoán, không tôn trọng vợ, mọi việc trong gia đình ông T không hỏi ý kiến bà Tr mà tự quyết hết. Từ năm 2015 cho đến nay do vợ chồng bất hòa, cãi vã lẫn nhau, ông T bỏ nhà đi thỉnh thoảng mới về, mỗi khi ông T về toàn gây sự chửi bới, đe dọa, khủng bố, đánh đập, ngược đãi bà Tr. Nay bà Tr cảm thấy tình cảm của bà dành cho ông T không còn nữa, nên đề nghị Tòa án cho bà được ly hôn với ông Lê Di T.

+ Về con chung: Bà Tr khai vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Đoàn Bảo N, sinh 27/04/2009; Lê Đoàn Đăng K, sinh 26/01/2014. Bà Tr xin được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tr khai để vợ chồng thỏa thuận tự chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Di T: Tòa án thụ lý vụ án kể từ ngày 06/9/2021 cho đến nay đã là 6 tháng. Tòa án triệu tập nhiều lần ông T không đến Tòa làm việc; Tòa án xác minh tại nơi cư trú và đến nhà ông T để lấy lời khai nhưng ông T không hợp tác, không lấy được lời khai của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xác minh, thu thập chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về pháp luật tố tụng:* Bà Đoàn Thụy Quỳnh Tr và ông Lê Di T kết hôn vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thị xã B, tỉnh Lâm Đồng. Nay bà Tr xin ly hôn mà ông T hiện đang trú tại phường L, TP. B. Do đó quan hệ tranh chấp là “ ly hôn ” được quy định tại Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B.

Ông T được Tòa án đã triệu tập để xét xử hợp lệ hai lần nhưng ông T vắng mặt, căn cứ Điều 227 khoản 2 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông T theo quy định của pháp luật.

[2]. *Về pháp luật nội dung:* Bà Đoàn Thụy Quỳnh Tr và ông Lê Di T kết hôn vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Nay bà Tr xin ly hôn xác định quan hệ tranh chấp là “ ly hôn, tranh chấp nuôi con ” Xét thấy nội dung vụ án ly hôn này phù hợp với các quy định tại các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình, do đó căn cứ luật hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát thành phố B phát biểu quan điểm của mình về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của hội đồng xét xử; xác định mối quan hệ tranh chấp đều đúng pháp luật. Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Luật hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Đoàn Thụy Quỳnh Tr và cho bà Tr được ly hôn với ông Lê Di T. Về con chung 02 cháu tên là Lê Đoàn Bảo N, sinh 27/04/2009; Lê Đoàn Đăng K, sinh 26/01/2014 đề nghị giao cho bà Tr nuôi. Bà Tr có khả năng nuôi con không yêu cầu ông T cấp dưỡng nên không xem xét.

Từ những tài liệu và chứng cứ nêu trên, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử kết luận:

Bà Đoàn Thụy Quỳnh Tr và ông Lê Di T kết hôn vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, thị xã B (nay là thành phố B) tỉnh Lâm Đồng là hôn nhân hoàn toàn tự nguyện đúng pháp luật. Trong quá trình chung sống thì phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do tính tình đôi bên không hợp nhau, vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, thiếu sự hiểu biết và thông cảm lẫn nhau, thiếu tình thương và trách nhiệm với nhau, thiếu sự tôn trọng lẫn nhau. Hiện tại bà Tr và ông T sống ly thân nhau đã 3 năm nay, mạnh ai người đó sống, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án ông T có thái độ cố tình vắng mặt không hợp tác. Tòa án triệu tập ông T đến Tòa để làm việc nhưng ông T không đến, gây rất nhiều khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Bà Tr cho rằng trong thời gian chung sống bà bị ông T đánh đập, ngược đãi, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, kéo dài không thể khắc phục được. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa bà Tr và ông T là không còn và rất trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được kết quả hạnh phúc. Do đó căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Tr và cho bà Tr được ly hôn với ông T là có cơ sở đúng pháp luật.

[3]. *Về con chung*: Bà Tr và ông T có 02 con chung tên là: Lê Đoàn Bảo N, sinh 27/04/2009; Lê Đoàn Đăng K, sinh 26/01/2014; nguyện vọng của 02 cháu xin được ở với bà Tr. Xét lợi ích về mọi mặt của con chưa thành niên, xét nguyện vọng của con chưa thành niên, xét yêu cầu nuôi con của bà Tr. Do đó căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, xử giao 02 cháu N và K cho bà Tr nuôi. Bà Tr khai có khả năng nuôi con nên không yêu cầu ông T cấp dưỡng, nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Tr khai không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa không xem xét.

[4]. *Về án phí*: Bà Tr phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 28, 35, 147 k4, 227 k2, 273 k1 Bộ luật Tố tụng Dân Sự;
- Căn cứ khoản 1 Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội qui định về án phí dân sự.

1/ Xử chấp nhận đơn ly hôn của bà **Đoàn Thụy Quỳnh Tr** cho bà Tr và ông **Lê Di T** được ly hôn với nhau.

2/ Về con chung: Xử giao 02 con chung tên là Lê Đoàn Bảo N, sinh 27/04/2009; Lê Đoàn Đăng K, sinh 26/01/2014 cho bà Tr nuôi. Bà Tr có khả năng nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, thay đổi việc nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo qui định của luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Buộc bà Đoàn Thụy Quỳnh Tr phải chịu án phí ly hôn 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí trước đây là 300.000đ tại biên lai

số AA/2016/0019204 ngày 06/9/2021 của chi cục Thi hành án dân sự TP. B. Bà Tr đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4/ Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày niêm yết bản sao bản án tại UBND xã, phường nơi người đó cư trú theo quy định của luật tổ tụng dân sự.

Trở lại hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự. Người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại các điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Tp.B;
- THA Tp.B;
- Các đương sự;
- UBND phường L;
- Lưu.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Nguyễn Viết Xuân

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẢO LỘC
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 10 giờ 00 phút, ngày 12 tháng 4 năm 2022.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc.

Hội đồng xét xử sơ thẩm thành phần gồm có:

+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Viết Xuân**

+ Các hội thẩm nhân dân: Ông **Cầm Văn Nam** và ông **Trần Việt**.

Đã tiến hành nghị án vụ án thụ lý số: 245/2021/TLST - HNGĐ ngày 06/9/2021 về việc tranh chấp “ly hôn” giữa các đương sự: Nguyên đơn là bà Đoàn Thị Quỳnh Trâm và bị đơn là ông Lê Di Ta.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

+ Ý kiến hội thẩm nhân dân ông Trần Việt: Tuy Ông Ta vắng mặt, nhưng qua tài liệu do các đương sự cung cấp, qua lời khai yêu cầu của đương sự phản ánh trong hồ sơ vụ án cho thấy:

Bà Đoàn Thụy Quỳnh Trâm và ông Lê Di Ta kết hôn vào năm 2008 có đăng ký kết hôn tại UBND phường Lộc Phát, thị xã Bảo Lộc (nay là thành phố Bảo Lộc) tỉnh Lâm Đồng là hôn nhân hoàn toàn tự nguyện đúng pháp luật. Trong quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn. Do tính tình đôi bên không hợp nhau, vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, thiếu sự hiểu biết và thông cảm lẫn nhau, thiếu tình thương và trách nhiệm với nhau, thiếu sự tôn trọng lẫn nhau. Đề nghị căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Trâm và cho bà Trâm được ly hôn với ông Ta là đúng pháp luật.

Về con chung: Bà Trâm và ông Ta có 02 con chung tên là: Lê Đoàn Bảo Ngân, sinh 27/04/2009; Lê Đoàn Đăng Khôi, sinh 26/01/2014; nguyện vọng của 02 cháu xin được ở với bà Trâm. Đề nghị căn cứ Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình, xử giao 02 cháu Ngân và Khôi cho bà Trâm nuôi.

+ Ý kiến hội thẩm nhân dân ông **Cầm Văn Nam** và ý kiến của chủ tọa phiên tòa ông **Nguyễn Viết Xuân** Thống nhất với ý kiến như nêu trên.

+ Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 k1, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 147 k4, 227 k2, 273 k1 Bộ luật Tố tụng Dân Sự; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội qui định về án phí dân sự, Quyết định:

1/ Xử chấp nhận đơn ly hôn của bà **Đoàn Thụy Quỳnh Trâm** cho bà Trâm và ông **Lê Di Ta** được ly hôn với nhau.

2/ Về con chung: Xử giao 02 con chung tên là Lê Đoàn Bảo Ngân, sinh 27/04/2009; Lê Đoàn Đăng Khôi, sinh 26/01/2014 cho bà Trâm nuôi. Bà Trâm có khả năng nuôi con, không yêu cầu ông Ta cấp dưỡng.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, thay đổi việc nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo qui định của luật hôn nhân và gia đình.

3/ Về án phí: Buộc bà Đoàn Thụy Quỳnh Trâm phải chịu án phí ly hôn 300.000đ.

4/ Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay theo quy định của luật tố tụng dân sự.

+ Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 4 vấn đề nêu trên với số phiếu đồng ý 3/3.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Viết Xuân

